

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

“V/v ly hôn,
tranh chấp quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

Ông Kiên Ngọc Trương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh T, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố T, Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, phường N, thành phố T, Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2022 và lời trình bày của bà Huỳnh T trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Nguyễn H quen biết, yêu thương nhau được sự đồng ý của 02 bên gia đình bà và ông H có tổ chức

lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T (nay là thành phố T), số 69, quyển số I, ngày 28/6/2005. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 10/01/2005, thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do bất đồng về lối sống và tính tình hai người không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, bà và ông H đã ly thân khoảng 01 năm nay.

Quá trình chung sống bà và ông H không tạo lập được tài sản chung và không có nợ ai. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: tên Nguyễn N, sinh ngày 10/01/2005 bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn ông Nguyễn H thì vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không có lý do.

2. Về nội dung vụ án: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; về quan hệ hôn nhân bà T và ông H có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, mâu thuẫn giữa bà T và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Đối với ông H mặc dù đã được Tòa án triệu tập để hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhưng lại vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ vợ chồng; về con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, xét khi ly thân thì bà T vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên đề nghị Tòa án giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung; về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải

quyết; về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có tài sản chung, không có nợ ai, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn H và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh T và ông Nguyễn H tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T (nay là thành phố T), số 69, quyển số I, ngày 28/6/2005 nên bà T và ông H đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án nhận thấy trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H đã xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay bà T giữ yêu cầu ly hôn với ông H còn ông H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng vắng mặt cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn gia đình.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Huỳnh T và ông Nguyễn H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận và phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Huỳnh T và ông Nguyễn H có 01 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 10/01/2005, sau khi T ông H ly thân, cháu N sống với bà T, bà vẫn đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu N có

nguyện vọng được sống với mẹ bà T nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Huỳnh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh T khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh T khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Huỳnh T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh T.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh T được ly hôn với ông Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2005 cho bà Huỳnh T tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù được Tòa án giải thích về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Huỳnh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh T khai không có không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh T khai không có nợ chung không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0010128, ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên bà Huỳnh T không phải nộp tiếp.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Lộc